

**THÔNG BÁO**

**Báo cáo quyết toán kinh phí, năm 2022**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ</b>		
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>		
<b>1</b>	<b>Học phí (nếu có)</b>		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu ....	77	
1.3	Tổng số thu trong năm	825.671.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	825.671.000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	825.671.000	
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bộ sung chi lương	295.117.000	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	111.406.000	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	213.388.000	
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm	205.760.000	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)</b> <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
<b>2.1</b>	<b>Học thêm</b>		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu .....	77.000	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	2.748.216.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.748.216.000	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(4)</sup>	2.732.520.000	
2.1.6	Số chi trong năm	2.748.216.000	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên chủ nhiệm	1.912.102.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	245.916.000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	382.622.000	
	- Chi phúc lợi	191.880.000	
	- Chi khác:.....	15.696.000	
2.1.7	Số dư cuối năm		
<b>2.1</b>	<b>Học nghề</b>		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu: Hs/tháng	10.000	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	32.310.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	32.310.000	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	32.310.000	
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi hợp đồng giảng dạy	22.617.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	1.615.000	

<sup>1</sup> Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	6.462.000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác: ....		
2.1.7	Số dư cuối năm	0	
<b>3</b>	<b>Tài trợ, hỗ trợ</b>		
<b>3.1</b>	<b>Vận động tài trợ kinh phí trả nợ công trình cải tạo nhà để xe học sinh</b>		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	0	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	0	
3.1.5	Số chi trong năm	0	
3.1.6	Số dư cuối năm	0	
<b>3.2</b>	<b>Vận động tài trợ kinh phí cải tạo bờ kè</b>		
3.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	9.470.000	
3.2.2	Tổng số thu trong năm		
3.2.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.2.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>		
3.2.5	Số chi trong năm		
3.2.6	Số dư cuối năm	9.470.000	
<b>4</b>	<b>Dịch vụ: Trưng giữ xe, căng tin</b>	<b>0</b>	
<b>4.1.</b>	<b>Trưng giữ xe</b>		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.1.2	Mức thu: - Xe đạp: 30.000đ/tháng, - Xe điện, cup: 50.000đ/tháng		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	435.160.000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	435.160.000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(4)</sup>	435.160.000	
4.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với NN	45.122.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	270.530.000	
	- Chi phúc lợi	66.432.000	
	- Chi khác:.....	0	
4.1.7	Số dư cuối năm	53.076.000	
<b>4.2.</b>	<b>Căng tin</b>	<b>16.000.000</b>	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.2.2	Mức thu ....		
4.2.3	Tổng số thu trong năm	16.000.000	
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	16.000.000	
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	16.000.000	
4.2.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	1.600.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi	14.400.000	
4.2.7	Số dư cuối năm		
<b>5</b>	<b>Liên kết giáo dục: Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài</b>		
5.2	Mức thu	37.500	
5.3	Tổng số thu trong năm	732.710.000	
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	732.710.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(4)</sup>	707.084.000	
5.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng	586.168.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo và công tác chủ nhiệm	120.916.000	
	- Chi phúc lợi	25.626.000	
5.7	Số dư cuối năm	0	
<b>5</b>	<b>Liên kết giáo dục: Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài</b>	732.710.000	
5.2	Mức thu	37.500	
5.3	Tổng số thu trong năm	732.710.000	
<b>6</b>	<b>Thu hộ, chi hộ: BHYT, BHTT, Sổ Liên lạc điện tử</b>		
<b>6.1</b>	<b>BHYT</b>	<b>563.220</b>	
6.1.1	Số học sinh	1.149	
6.1.2	Mức thu: - K10,11: 563.220đ/hs, - K12: 422.415đ/hs		
6.1.3	Tổng thu	562.516.000	
6.1.4	Đã chi	562.516.000	
6.1.5	Số dư cuối năm	<b>0</b>	
<b>6.2</b>	<b>BHTT</b>		
6.2.1	Số học sinh	1.149	
6.2.2	Mức thu	150.000	
6.2.3	Tổng thu	171.750.000	
6.2.4	Đã chi	171.750.000	
6.2.5	Số dư cuối năm		
<b>6.3</b>	<b>Sổ liên lạc điện tử</b>	<b>155.520.000</b>	
6.3.1	Số học sinh	1149	
6.3.2	Mức thu	135.000	
6.3.3	Tổng thu	168.615.000	
6.3.4	Đã chi		
6.3.5	Số dư cuối năm	0	
<b>II</b>	<b>QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>8.666.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Ngân sách nhà nước</b>		
<b>1.1</b>	<b>Ngân sách chi thường xuyên</b>		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm	8.666.000.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	8.666.000.000	
	- Kinh phí quyết toán	8.666.000.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận	0	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
<b>1.2</b>	<b>Ngân sách chi không thường xuyên</b>		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	2.856.000.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		

11/01/2018

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Kinh phí thực nhận trong năm	2.856.000.000	
	- Kinh phí quyết toán	2.855.530.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận	2.856.000.000	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	470.000	
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính	0	
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí còn phải nộp	0	
<b>III</b>	<b>NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)</b>		
<b>1</b>	<b>Học phí</b>	<b>0</b>	
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
<b>2</b>	<b>Học thêm</b>	<b>0</b>	
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ CSVC		
	+ Quỹ phúc lợi		
	+ Quỹ công đoàn		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
<b>3</b>	.....		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ thu nhập tăng thêm	109.991.337	
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
<b>III</b>	<b>MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG</b>		
<b>1</b>	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	116.839.200	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	115.265.600	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	113.988.000	
<b>2</b>	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	134.634.800	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	90.022.200	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	75.951.600	
<b>IV</b>	<b>MỨC CHI CHO HỌC SINH</b>		
<b>1</b>	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
<b>2</b>	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập  
(Ký, ghi họ tên)

*M. Quý*  
*M. Quý*



Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG  
*Bùi Văn Hiến*

T. P. HẢI PHỒN